

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. - Nay sáp nhập thôn Đông Thôn, xã Yên Lâm vào xã Yên Thái thuộc huyện Tam Điệp, thành lập huyện Yên Khánh và đổi tên huyện Tam Điệp thành huyện Yên Mô, như sau:

1. Sáp nhập thôn Đông Thôn thuộc xã Yên Lâm vào xã Yên Thái.

- Xã Yên Thái có diện tích tự nhiên 788,17 héc-ta; nhân khẩu 5.465.

Địa giới xã Yên Thái: phía Đông giáp xã Yên Lâm và xã Yên Mạc; phía Tây giáp xã Yên Đồng; phía Nam giáp huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; phía Bắc giáp xã Yên Thành.

- Xã Yên Lâm có diện tích tự nhiên 814,93 héc-ta; nhân khẩu 7.770.

Địa giới xã Yên Lâm: phía Đông giáp huyện Kim Sơn; phía Tây giáp xã Yên Thái; phía Nam giáp huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; phía Bắc giáp xã Yên Mạc.

2. Thành lập huyện Yên Khánh trên cơ sở 10 xã của huyện Tam Điệp và 9 xã của huyện Kim Sơn:

- Các xã thuộc huyện Tam Điệp: Xã Khánh Hòa, xã Khánh An, xã Khánh Phú, xã Khánh Cư, xã Khánh Vân, xã Khánh Hải, xã Khánh Tiên, xã Khánh Thiện, xã Khánh Lợi, xã Khánh Ninh.

- Các xã thuộc huyện Kim Sơn: Xã Khánh Hồng, xã Khánh Nhạc, xã Khánh Hội, xã Khánh Mậu, xã Khánh Thủy, xã Khánh Cường, xã Khánh Trung, xã Khánh Thành, xã Khánh Công.

- Huyện Yên Khánh có diện tích tự nhiên 15.051 héc-ta; nhân khẩu 131.934.

Địa giới huyện Yên Khánh: phía Đông giáp huyện Nghĩa Hưng (tỉnh Nam Hà); phía Tây giáp huyện Hoa Lư và huyện Yên Mô; phía Nam giáp huyện Kim Sơn; phía Bắc giáp huyện Ý Yên và huyện Nghĩa Hưng (tỉnh Nam Hà).

3. Đổi tên huyện Tam Điệp thành huyện Yên Mô.

Huyện Yên Mô gồm xã Yên Phú, xã Yên Mỹ, xã Yên Thái, xã Yên Lâm, xã Yên Thắng, xã Yên Từ, xã Yên Nhân, xã Yên Đồng, xã Yên Mạc, xã Yên Thành, xã Yên Phong, xã Yên Hòa, xã Khánh Thịnh, xã Khánh Thượng, xã Khánh Dương.

Huyện Yên Mô có diện tích tự nhiên 13.453,5 héc-ta; nhân khẩu 107.664.

Địa giới huyện Yên Mô: phía Đông giáp huyện Kim Sơn; phía Tây giáp thị xã Tam Điệp; phía Nam giáp huyện Nga Sơn (tỉnh Thanh Hóa); phía Bắc giáp huyện Hoa Lư và huyện Yên Khánh.

4. Sau khi điều chỉnh địa giới.

Huyện Kim Sơn còn lại 14.625,56 héc-ta diện tích tự nhiên, nhân khẩu 141.161; gồm 26 đơn vị hành chính là xã Xuân Thiện, xã Chính Tâm, xã Hồi Ninh, xã Chát Bình, xã Kim Định, xã Ân Hòa, xã Hùng Tiến, xã Như Hòa, xã Quang Thiện, xã Đồng Hương, xã Kim Chính, xã Thượng Kiệm, xã Lưu Phương, xã Định Hóa, xã Văn Hải, xã Kim Mỹ, xã Kim Tân, xã Yên Lộc, xã Lai Thành, xã Kim Hải, xã Kim Trung, xã Yên Mật, xã Tân Thành, xã Cồn Thoi và thị trấn Phát Diệm, thị trấn Bình Minh.

Địa giới huyện Kim Sơn: phía Đông giáp huyện Nghĩa Hưng (tỉnh Nam Hà); phía Tây giáp huyện Nga Sơn (tỉnh Thanh Hóa) và huyện Yên Mô; phía Nam giáp biển Đông; phía Bắc giáp huyện Yên Khánh.

Điều 2.- Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký, những quy định trong các văn bản trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3.- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIỆT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 62-CP ngày 11-7-1994 về nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng cục Khí tượng thủy văn.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng thủy văn và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Tổng cục Khí tượng thủy văn là cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực khí tượng thủy văn trong phạm vi cả nước.

Điều 2.- Tổng cục Khí tượng thủy văn có nhiệm vụ, quyền hạn:

1. Trình Chính phủ các dự án luật, pháp lệnh, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình quốc gia, và các chính sách, chế độ về quản lý ngành khí tượng thủy văn và điều tra cơ bản môi trường không khí và nước. Tổ chức thực hiện các vấn đề nói trên sau khi đã được phê duyệt.

2. Ban hành theo thẩm quyền tiêu chuẩn, quy chế, quy trình, quy phạm kỹ thuật nghiệp vụ về khí tượng thủy văn và điều tra cơ bản môi trường không khí và nước. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản nói trên.

3. Trình Chính phủ việc hợp tác quốc tế, tham gia tổ chức quốc tế, và ký kết các điều ước quốc tế về khí tượng thủy văn. Hướng dẫn chỉ đạo thực hiện kế hoạch hợp tác quốc tế về lĩnh vực khí tượng thủy văn, và điều ước quốc tế đã ký kết theo quy định của Chính phủ.

4. Tổ chức công tác nghiên cứu khoa học về khí tượng thủy văn, và đào tạo bồi dưỡng kỹ thuật nghiệp vụ thuộc lĩnh vực khí tượng thủy văn theo quy định của Chính phủ.

5. Cung cấp các thông tin, tư liệu về khí tượng thủy văn, môi trường nước và không khí cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân theo quy định của Chính phủ.

Thực hiện theo thẩm quyền việc cấp, thu hồi giấy phép hoạt động khí tượng thủy văn dùng riêng đối với tổ chức, cá nhân.

6. Phối hợp với Bộ Tài chính và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước xây dựng kế hoạch tài chính ngành khí tượng thủy văn và quản lý kế hoạch tài chính nói trên theo quy định của Chính phủ.

7. Ban hành theo thẩm quyền các quyết định, chỉ thị, thông tư để chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra

các ngành, các địa phương, tổ chức và công dân thi hành pháp luật, chính sách của Nhà nước về lĩnh vực khí tượng thủy văn.

8. Quản lý tổ chức bộ máy, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước và công chức, viên chức ngành khí tượng thủy văn theo quy định của Chính phủ.

Điều 3. - Cơ cấu tổ chức của Tổng cục Khí tượng thủy văn:

a) Tổ chức giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước:

- Cục Mạng lưới trạm và trang thiết bị kỹ thuật khí tượng thủy văn (gọi tắt là Cục Mạng lưới).

- Vụ Kế hoạch tài chính.

- Vụ Khoa học kỹ thuật.

- Vụ Hợp tác quốc tế.

- Vụ Tổ chức - cán bộ.

- Thanh tra.

- Văn phòng.

b) Tổ chức sự nghiệp:

- Trung tâm Quốc gia dự báo khí tượng thủy văn.

- Trung tâm Tư liệu khí tượng thủy văn.

- Viện Khí tượng thủy văn.

- Trung tâm Khí tượng thủy văn phía Nam.

- Trung tâm Khí tượng thủy văn biển.

- Đài Khí tượng cao không.

- Trường Cán bộ khí tượng thủy văn thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường Cán bộ khí tượng thủy văn Hà Nội.

- Các Đài Khí tượng thủy văn khu vực:

Đài Khí tượng thủy văn khu vực Nam bộ (tại thành phố Hồ Chí Minh).

Đài Khí tượng thủy văn khu vực Tây Nguyên (tại Pleiku).

Đài Khí tượng thủy văn khu vực Nam Trung bộ (tại thành phố Nha Trang).

Đài Khí tượng thủy văn khu vực Trung Trung bộ (tại thành phố Đà Nẵng).

Đài Khí tượng thủy văn khu vực Bắc Trung bộ (tại thành phố Vinh).

Đài Khí tượng thủy văn khu vực đồng bằng Bắc bộ (tại thành phố Hà Nội).

Đài Khí tượng thủy văn khu vực Đông bắc (tại thành phố Hải Phòng).

Đài Khí tượng thủy văn khu vực Việt Bắc (tại thành phố Việt Trì).

Đài Khí tượng thủy văn khu vực Tây Bắc (tại thị xã Sơn La)

Điều 4. - Tổng cục Khí tượng thủy văn do Tổng cục trưởng lãnh đạo, các Phó Tổng cục trưởng giúp việc Tổng cục trưởng. Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng thủy văn bổ nhiệm, miễn nhiệm Vụ trưởng, Vụ phó, Cục trưởng, Cục phó và các chức vụ tương đương.

Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng thủy văn quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể các tổ chức trực thuộc Tổng cục nói trên.

Điều 5. - Nghị định này thi hành từ ngày ban hành. Bãi bỏ Nghị định số 215-CP ngày 5-11-1976 của Chính phủ và các quy định khác trước đây trái với Nghị định này.

Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng thủy văn, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIỆT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 63-CP ngày 11-7-1994 về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thủy lợi.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách

nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thủy lợi và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. - Bộ Thủy lợi là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên nước (trừ nước nguyên liệu khoáng và nước địa nhiệt); về quản lý khai thác công trình thủy lợi và công tác phòng chống lụt bão, bảo vệ đề điều trong cả nước.

Điều 2. - Bộ Thủy lợi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định tại Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

1. Xây dựng trình Chính phủ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch tổng thể và khu vực về phát triển nguồn nước; về xây dựng quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và phòng chống lụt bão, bảo vệ đề điều theo yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và chỉ đạo, kiểm tra thực hiện;

2. Xây dựng trình Chính phủ ban hành, hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản pháp quy, các chính sách, chế độ, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, định mức kinh tế, kỹ thuật về quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ các nguồn nước, các công trình thủy lợi và phòng, chống lụt bão, bảo vệ đề điều;

3. Trình Chính phủ xét duyệt hoặc xét duyệt theo thẩm quyền luận chứng kinh tế - kỹ thuật các dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, đồ án thiết kế, thi công và nghiệm thu các công trình thủy lợi theo quy định hiện hành của Chính phủ về quản lý xây dựng cơ bản;

4. Tổ chức việc cấp hoặc thu hồi các loại giấy phép xây dựng, khai thác, sử dụng nước có liên quan đến nguồn nước, môi trường nước và an toàn công trình thủy lợi;

5. Thực hiện nhiệm vụ thường trực của Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt bão Trung ương và trực tiếp chỉ đạo, điều hành công tác phòng, chống lụt bão trong cả nước;

6. Chỉ đạo việc vận hành điều tiết các công trình thủy lợi lớn, sử dụng tổng hợp, công trình liên tỉnh;